

CHÍNH PHỦ

Số: 90/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2005***NGHỊ ĐỊNH****Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam****CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (sau đây gọi là Pháp lệnh Chống bán phá giá) về Cơ quan điều tra chống bán phá giá, Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá; thủ tục, nội dung điều

tra và việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 2. Tiếng nói và chữ viết trong quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá

1. Tiếng nói và chữ viết dùng trong quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá là tiếng Việt. Các bên liên quan đến quá trình điều tra theo quy định tại Điều 11 Pháp lệnh Chống bán phá giá (sau đây gọi là các bên liên quan) có quyền dùng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình, trong trường hợp này phải có phiên dịch.

2. Các thông tin, tài liệu không phải bằng tiếng Việt do các bên liên quan cung cấp phải được dịch ra tiếng Việt. Các bên liên quan phải đảm bảo tính trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được dịch thuật.

Điều 3. Chứng cứ

Chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá là những gì có thật được Cơ quan điều tra chống bán phá giá, Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá dùng làm căn cứ để xác định tình trạng bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam, tình trạng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể, mối quan hệ giữa việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ việc chống bán phá giá.

Điều 4. Xác định tỷ lệ chủ yếu trong tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước

Khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa sản xuất chiếm từ 50% tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước trở lên được coi là chiếm tỷ lệ chủ yếu trong tổng khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa tương tự được sản xuất ở trong nước.

Điều 5. Xác định mối quan hệ liên kết trực tiếp giữa các nhà sản xuất hàng hóa tương tự trong nước với tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá

1. Các nhà sản xuất hàng hóa tương tự được coi là có mối quan hệ liên kết trực

tiếp với tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá trong các trường hợp sau đây:

a) Bên này trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên kia;

b) Tất cả đều trực tiếp hoặc gián tiếp bị kiểm soát bởi một bên thứ ba;

c) Cùng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát bên thứ ba.

2. Một bên có thể bị coi là kiểm soát được một bên khác khi bên đó có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên khác nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của bên khác đó.

Chương II

CƠ QUAN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, NGƯỜI TIẾN HÀNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, NGƯỜI THAM GIA QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Mục 1. CƠ QUAN CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, NGƯỜI TIẾN HÀNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Điều 6. Cơ quan chống bán phá giá, người tiến hành giải quyết vụ việc chống bán phá giá

1. Cơ quan chống bán phá giá thuộc Bộ Thương mại gồm Cơ quan điều tra chống

bán phá giá (sau đây gọi là Cơ quan điều tra) và Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá (sau đây gọi là Hội đồng xử lý).

2. Người tiến hành giải quyết vụ việc chống bán phá giá bao gồm:

- a) Người đứng đầu Cơ quan điều tra;
- b) Điều tra viên vụ việc chống bán phá giá (sau đây gọi là Điều tra viên);
- c) Thành viên Hội đồng xử lý.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra

Khi tiến hành giải quyết vụ việc chống bán phá giá, Cơ quan điều tra có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Ban hành mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá và bản câu hỏi điều tra.

2. Thực hiện các nhiệm vụ điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo trình tự, thủ tục quy định tại Pháp lệnh Chống bán phá giá và Nghị định này.

3. Yêu cầu các bên liên quan cung cấp các thông tin cần thiết và các tài liệu có liên quan đến vụ việc chống bán phá giá.

4. Tổ chức phiên tham vấn với các bên liên quan.

5. Công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra.

6. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét, quyết định về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời trong trường hợp cần thiết.

7. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét việc chấp nhận, không chấp nhận hoặc đề nghị điều chỉnh nội dung cam kết trên cơ sở đề xuất tự nguyện của các nhà sản xuất, xuất khẩu có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

8. Công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra.

9. Tiến hành rà soát việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Người đứng đầu Cơ quan điều tra

1. Người đứng đầu Cơ quan điều tra do Bộ trưởng Bộ Thương mại bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Người đứng đầu Cơ quan điều tra có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức, chỉ đạo Cơ quan điều tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 7 Nghị định này;

b) Phân công Điều tra viên điều tra vụ việc chống bán phá giá cụ thể;

c) Phân công Điều tra viên điều hành phiên tham vấn;

d) Giám sát các hoạt động điều tra của Điều tra viên;

đ) Quyết định mở phiên tham vấn;

e) Giữ bí mật thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 30 Nghị định này;

g) Trưng cầu giám định.

Điều 9. Điều tra viên

1. Tiêu chuẩn của Điều tra viên

Người có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan;

b) Có trình độ cử nhân trở lên về lĩnh vực luật hoặc kinh tế, tài chính;

c) Có thời gian công tác thực tế ít nhất là 05 năm thuộc một trong các lĩnh vực quy định tại điểm b Khoản này;

d) Được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ điều tra.

2. Điều tra viên do Bộ trưởng Bộ Thương mại bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của người đứng đầu Cơ quan điều tra.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Điều tra viên

Khi tiến hành giải quyết vụ việc chống bán phá giá, Điều tra viên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Thực hiện các nhiệm vụ điều tra theo sự phân công của người đứng đầu Cơ quan điều tra.

2. Yêu cầu các bên liên quan cung cấp thông tin cần thiết và các tài liệu có liên quan đến vụ việc chống bán phá giá.

3. Giữ bí mật thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

4. Bảo quản tài liệu đã được cung cấp.

5. Báo cáo điều tra sau khi kết thúc điều tra vụ việc chống bán phá giá, soạn thảo và trình người đứng đầu Cơ quan điều tra kết luận sơ bộ, kết luận cuối cùng liên quan đến quá trình điều tra.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng xử lý

Hội đồng xử lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xem xét các kết luận của Cơ quan điều tra theo quy định tại Điều 39 Nghị định này.

2. Thảo luận và quyết định theo đa số về việc có hoặc không có bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

3. Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá trên cơ sở các quy định tại Điều 39 Nghị định này.

Điều 12. Thành viên Hội đồng xử lý

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng xử lý.

Bộ trưởng Bộ Thương mại đề nghị danh sách thành viên Hội đồng xử lý để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan;

b) Có trình độ cử nhân trở lên về lĩnh vực luật hoặc kinh tế, tài chính;

c) Có thời gian công tác thực tế ít nhất 09 năm thuộc một trong các lĩnh vực quy định tại điểm b Khoản này.

2. Căn cứ danh sách thành viên Hội đồng xử lý đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét, ra quyết định cụ thể về số lượng thành viên Hội đồng xử lý tham gia giải quyết vụ việc chống bán phá giá, trong đó phân công một thành viên làm chủ tọa phiên họp và ký các quyết định, kiến nghị quy định tại khoản 2 và 3 Điều 11 Nghị định này.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng xử lý là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng xử lý

Khi tiến hành giải quyết vụ việc chống bán phá giá, thành viên Hội đồng xử lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Nghiên cứu, xem xét hồ sơ, các kết luận của Cơ quan điều tra và các tài liệu khác trong bộ hồ sơ vụ việc chống bán phá giá do Cơ quan điều tra chuyển.

2. Tham gia phiên họp của Hội đồng xử lý để thảo luận và bỏ phiếu về việc có hoặc không có bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

3. Giữ bí mật thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

Mục 2. NGƯỜI THAM GIA QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Điều 14. Người tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá

Người tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân đại diện hợp pháp cho ngành sản xuất trong nước theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Chống bán phá giá nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá lên Cơ quan điều tra (sau đây gọi là Người yêu cầu).

2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị Người yêu cầu nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc bị Cơ quan điều tra tiến hành điều tra theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Pháp lệnh Chống bán phá giá (sau đây gọi là Người bị yêu cầu).

3. Luật sư của Người yêu cầu, Người bị yêu cầu.

4. Các bên liên quan khác.

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ của Người yêu cầu, Người bị yêu cầu

1. Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá, Người yêu cầu có các quyền sau đây:

a) Tiếp cận các thông tin mà các bên liên quan khác cung cấp cho Cơ quan

điều tra, trừ những thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 30 Nghị định này;

b) Yêu cầu bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 30 Nghị định này;

c) Tham gia phiên tham vấn;

d) Ủy quyền cho luật sư thay mặt mình tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá;

đ) Yêu cầu Cơ quan điều tra tổ chức phiên tham vấn kín theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định này;

e) Khiếu nại, khởi kiện các quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại theo quy định tại Điều 26 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

2. Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá, Người bị yêu cầu có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Kiến nghị Cơ quan điều tra gia hạn thời hạn cung cấp thông tin, gia hạn thời hạn trả lời bản câu hỏi điều tra theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

3. Người yêu cầu, Người bị yêu cầu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến yêu cầu của mình;

b) Cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời những thông tin, tài liệu

theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, Điều tra viên;

c) Thi hành quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Điều 16. Luật sư của Người yêu cầu, Người bị yêu cầu

1. Luật sư có đủ điều kiện tham gia tố tụng tại Tòa án theo quy định của pháp luật được Người yêu cầu, Người bị yêu cầu ủy quyền có quyền tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên mà mình đại diện.

2. Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá, luật sư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tham gia các giai đoạn trong quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá;

b) Xác minh, thu thập và cung cấp tài liệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên mà mình đại diện;

c) Nghiên cứu những tài liệu trong hồ sơ vụ việc chống bán phá giá;

d) Được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ việc chống bán phá giá, trừ những thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 30 Nghị định này, để thực hiện việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bên mà mình đại diện;

đ) Giúp bên mà mình đại diện về mặt pháp luật liên quan đến việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ;

e) Tôn trọng sự thật và pháp luật; không được mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật;

g) Không được tiết lộ bí mật điều tra mà mình biết khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá;

h) Không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ việc chống bán phá giá vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân.

Điều 17. Quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan khác

Khi tham gia quá trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá, các bên liên quan không phải là Người yêu cầu hoặc Người bị yêu cầu có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Cung cấp thông tin trung thực và tài liệu cần thiết liên quan đến vụ việc chống bán phá giá theo quan điểm của mình hoặc theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, Điều tra viên.

2. Yêu cầu Cơ quan điều tra, Điều tra viên bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

3. Tiếp cận thông tin về vụ việc chống bán phá giá của Cơ quan điều tra, trừ những thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

4. Tham gia phiên tham vấn và trình bày quan điểm liên quan đến vụ việc chống bán phá giá, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định này.

Chương III

ĐIỀU TRA ĐỂ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Điều 18. Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá

Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, bao gồm:

1. Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu hoặc của đại diện ngành sản xuất trong nước trong trường hợp Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Mô tả khối lượng, số lượng và trị giá của hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm b Khoản này trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

d) Mô tả khối lượng, số lượng và trị giá của hàng hóa tương tự được sản xuất

trong nước trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

đ) Thông tin về giá thông thường và giá xuất khẩu của hàng hóa được mô tả theo quy định tại điểm b Khoản này tại thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

e) Biên độ bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

g) Thông tin, số liệu, chứng cứ về thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước do hàng hóa bán phá giá vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra;

h) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của tất cả Người bị yêu cầu;

i) Yêu cầu cụ thể về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, thời hạn áp dụng và mức độ áp dụng.

2. Tài liệu, thông tin liên quan khác mà Người yêu cầu hoặc Cơ quan điều tra (trong trường hợp Cơ quan điều tra lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá) cho là cần thiết.

Điều 19. Thẩm định hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá trong trường hợp có Người yêu cầu

1. Trong thời hạn 45 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy

định tại Điều 18 Nghị định này, Cơ quan điều tra chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ để trình Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét ra quyết định điều tra.

2. Nội dung thẩm định hồ sơ bao gồm:

a) Xác định tư cách đại diện hợp pháp cho ngành sản xuất trong nước của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh Chống bán phá giá;

b) Xác định bằng chứng về việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

Điều 20. Lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá trong trường hợp không có Người yêu cầu

1. Trong trường hợp không có Người yêu cầu nhưng có dấu hiệu về việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định giao Cơ quan điều tra tiến hành lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá để trình Bộ trưởng xem xét ra quyết định điều tra.

2. Thời hạn lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này là 06 tháng tính từ ngày Bộ trưởng Bộ Thương mại ký quyết định giao Cơ quan điều tra lập hồ sơ.

Điều 21. Nội dung quyết định điều tra

1. Quyết định điều tra bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của đại diện ngành sản xuất trong nước trong trường hợp không có Người yêu cầu;

c) Mô tả hàng hóa là đối tượng bị yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng;

d) Tên, địa chỉ và thông tin cần thiết khác của tất cả Người bị yêu cầu;

đ) Tên nước, vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

e) Tóm tắt thông tin về việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu được mô tả tại điểm c khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

g) Ngày có hiệu lực bắt đầu tiến hành điều tra;

h) Giai đoạn điều tra;

i) Lịch trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá;

k) Các thông tin liên quan khác mà Bộ trưởng Bộ Thương mại cho là cần thiết.

2. Việc thông báo, công bố quyết định điều tra được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

Điều 22. Cung cấp thông tin, tài liệu trong quá trình điều tra

1. Các bên liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin xác thực và tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

2. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra sẽ tiến hành trưng cầu giám định hoặc kiểm tra, xác minh tính xác thực của các thông tin, tài liệu do các bên liên quan cung cấp hoặc thu thập thêm các thông tin, tài liệu cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ việc chống bán phá giá.

3. Trong trường hợp tiến hành kiểm tra, xác minh tính xác thực của các thông tin, tài liệu hoặc thu thập thêm thông tin ở nước hoặc vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam, Cơ quan điều tra phải thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Trước khi thực hiện việc xác minh hoặc thu thập thông tin, Cơ quan điều tra phải thông báo cho các tổ chức, cá nhân có liên quan và cơ quan có thẩm quyền của nước hoặc vùng lãnh thổ đó;

b) Việc xác minh hoặc thu thập thông tin phải được các tổ chức, cá nhân liên quan đồng ý và không bị cơ quan có thẩm quyền của nước hoặc vùng lãnh thổ nêu tại điểm a Khoản này phản đối, trừ trường hợp các điều ước quốc tế mà

Việt Nam, các nước và vùng lãnh thổ liên quan là thành viên có quy định khác.

4. Trừ các thông tin được bảo mật theo quy định tại Điều 30 Nghị định này, Cơ quan điều tra phải công khai kết quả giám định, kiểm tra xác minh hoặc thu thập thông tin với các bên có liên quan.

5. Cơ quan điều tra sẽ quyết định dựa trên các thông tin, tài liệu có sẵn trong các trường hợp sau đây:

a) Bên liên quan không cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đúng yêu cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Kết quả giám định, kiểm tra, xác minh cho thấy các thông tin, tài liệu do các bên liên quan cung cấp là không xác thực;

c) Bên liên quan không đồng ý để cho Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra xác minh;

d) Bên liên quan gây cản trở quá trình điều tra.

6. Trường hợp không chấp nhận sử dụng phần thông tin, tài liệu mà các bên có liên quan đã cung cấp, Cơ quan điều tra phải giải thích lý do không chấp nhận sử dụng phần thông tin, tài liệu đó.

Điều 23. Bản câu hỏi điều tra

1. Trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra, Cơ quan điều tra phải gửi bản câu hỏi điều tra đến địa chỉ của các đối tượng sau đây:

a) Người bị yêu cầu hoặc đại diện hợp pháp của Người bị yêu cầu;

b) Đại diện tại Việt Nam của nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

c) Cơ quan có thẩm quyền của nước hoặc vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

d) Các bên có liên quan khác.

2. Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được bản câu hỏi điều tra, Người bị yêu cầu phải gửi văn bản trả lời đầy đủ các câu hỏi ghi trong bản câu hỏi điều tra cho Cơ quan điều tra. Trong trường hợp cần thiết và nếu Người bị yêu cầu có văn bản đề nghị, thời hạn này có thể được Cơ quan điều tra xem xét, gia hạn thêm một lần với thời hạn tối đa không quá 30 ngày.

3. Bản câu hỏi điều tra được coi là đến địa chỉ người nhận sau 07 ngày làm việc, tính từ ngày Cơ quan điều tra gửi đi. Ngày gửi được xác định căn cứ theo dấu của bưu điện.

Điều 24. Nội dung điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá

Điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam bao gồm các nội dung sau đây:

1. Xác định hàng hóa bán phá giá vào Việt Nam và biên độ bán phá giá theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

2. Xác định thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

3. Mối quan hệ giữa việc bán phá giá hàng hóa vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.

Điều 25. Xác định biên độ bán phá giá

1. Cơ quan điều tra phải tiến hành xác định biên độ phá giá riêng cho từng Người bị yêu cầu trong vụ việc chống bán phá giá, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp số lượng Người bị yêu cầu hoặc phạm vi hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá quá lớn, không thể tiến hành xác định biên độ phá giá riêng, Cơ quan điều tra có thể giới hạn phạm vi điều tra để xác định biên độ phá giá riêng đối với một số Người bị yêu cầu hoặc hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Việc giới hạn phạm vi điều tra được thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Việc giới hạn phạm vi điều tra được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu thống kê phù hợp trên cơ sở khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá được sản xuất, xuất khẩu vào Việt Nam bởi Người bị yêu cầu hoặc các thông tin

mà Cơ quan điều tra có được tại thời điểm chọn mẫu;

b) Khi tiến hành chọn mẫu điều tra, Cơ quan điều tra có thể tiến hành các tham vấn cần thiết với Người bị yêu cầu, các nhà nhập khẩu liên quan đến việc chọn mẫu và phải có sự đồng ý của Người bị yêu cầu này về việc chọn mẫu.

3. Biên độ bán phá giá được xác định bằng khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá thông thường của hàng hóa so với giá xuất khẩu hàng hóa đó vào Việt Nam.

4. Biên độ bán phá giá áp dụng cho Người bị yêu cầu không được điều tra là biên độ bán phá giá bình quân gia quyền áp dụng cho Người bị yêu cầu được chọn để xác định biên độ bán phá giá riêng theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Cơ quan điều tra có thể xem xét xác định biên độ bán phá giá riêng cho Người bị yêu cầu không được chọn theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng đã tự nguyện cung cấp thông tin cần thiết, kịp thời trong quá trình điều tra, trừ khi số lượng Người bị yêu cầu tự nguyện cung cấp thông tin này quá lớn và việc xác định biên độ bán phá giá riêng cho Người bị yêu cầu này làm cho việc điều tra không thể hoàn thành đúng thời hạn.

Điều 26. Xác định giá thông thường, giá xuất khẩu

1. Giá thông thường của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam được xác định

theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 3 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

2. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thông qua một nước, vùng lãnh thổ trung gian thứ 3, giá thông thường sẽ được xác định là mức giá có thể so sánh được của hàng hóa tương tự tại nước, vùng lãnh thổ xuất khẩu.

3. Trường hợp hàng hóa chỉ đơn thuần chuyển qua cảng của nước, vùng lãnh thổ thứ 3, hoặc không tồn tại mức giá nào có thể so sánh được đối với các hàng hóa này tại nước, vùng lãnh thổ trung gian thứ 3, giá thông thường được xác định là mức giá có thể so sánh được của hàng hóa liên quan tại nước, vùng lãnh thổ xuất xứ.

4. Giá xuất khẩu của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam được tính bằng giá bán hàng hóa của nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu nước ngoài bán cho nhà nhập khẩu tại Việt Nam, xác định thông qua các chứng từ giao dịch hợp pháp.

5. Trường hợp không tồn tại giá xuất khẩu hoặc có căn cứ rõ ràng để cho rằng giá xuất khẩu nêu tại khoản 4 Điều này là không đáng tin cậy, Cơ quan điều tra sẽ xác định giá xuất khẩu theo một trong hai phương pháp sau đây:

a) Giá được xây dựng trên cơ sở giá của hàng hóa nhập khẩu bán cho người mua độc lập đầu tiên tại Việt Nam;

b) Giá được tính toán dựa trên các cơ sở hợp lý theo quyết định của Cơ quan điều tra.

Điều 27. Điều chỉnh giá thông thường, giá xuất khẩu khi xác định biên độ bán phá giá

Trong trường hợp cần thiết, khi xác định biên độ bán phá giá Cơ quan điều tra có thể xem xét và thực hiện các điều chỉnh sau đây:

1. Điều chỉnh giá thông thường và giá xuất khẩu về cùng một khâu của quá trình lưu thông hàng hóa.

2. Điều chỉnh giá thông thường và giá xuất khẩu về cùng thời điểm tính toán hoặc tại các thời điểm tính toán gần nhau nhất.

3. Điều chỉnh giá thông thường và giá xuất khẩu trên cơ sở những khác biệt về thuế, điều kiện bán hàng, dung lượng thương mại, khối lượng, đặc tính vật lý và các yếu tố khác mà Cơ quan điều tra cho là phù hợp.

4. Giá thông thường và giá xuất khẩu phải được quy đổi thành tiền Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày Bộ trưởng Bộ Thương mại ký quyết định điều tra. Trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không công bố tỷ giá vào ngày Bộ trưởng Bộ Thương mại ký quyết định điều tra, việc quy đổi thực hiện theo tỷ giá được công bố của ngày liền kề sau đó.

Điều 28. Xác định mối quan hệ giữa việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc

đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước

1. Khi xác định mối quan hệ giữa việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra có thể xem xét tổng thể các yếu tố sau đây:

a) Mối quan hệ giữa việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với chứng cứ về thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

b) Số lượng và giá của hàng hóa tương tự nhập khẩu vào Việt Nam không bị bán phá giá;

c) Mức độ giảm sút của cầu hoặc thay đổi về hình thức tiêu dùng đối với hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

d) Khả năng xuất khẩu và năng suất của ngành sản xuất trong nước;

đ) Các yếu tố khác theo quyết định của Cơ quan điều tra.

2. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có thể xem xét thêm các yếu tố khác gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước ngoài việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 29. Tham vấn trong điều tra

1. Căn cứ vào thời gian tổ chức phiên tham vấn nêu trong quyết định điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá,

Cơ quan điều tra sẽ tổ chức phiên tham vấn công khai với các bên liên quan và phân công ít nhất 03 Điều tra viên, trong đó có 01 Điều tra viên làm Chủ tọa để điều hành phiên tham vấn.

2. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức phiên tham vấn, các bên liên quan phải gửi văn bản đăng ký tham gia phiên tham vấn cho Cơ quan điều tra, trong đó nêu rõ những vấn đề cần tham vấn kèm theo lập luận bằng văn bản.

3. Trình tự tiến hành tham vấn:

a) Chủ tọa tuyên bố khai mạc phiên tham vấn;

b) Người yêu cầu, Người bị yêu cầu trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền lần lượt trình bày trực tiếp bằng lời nói các chứng cứ để bảo vệ quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống bán phá giá. Thời gian cho mỗi bên trình bày không quá 90 phút;

c) Người yêu cầu, Người bị yêu cầu trao nội dung bài phát biểu quy định tại điểm b Khoản này bằng văn bản cho Chủ tọa;

d) Các bên liên quan không thuộc trường hợp quy định tại điểm b Khoản này có quyền trao văn bản trình bày quan điểm liên quan đến vụ việc chống bán phá giá của mình cho Chủ tọa;

đ) Chủ tọa, các Điều tra viên đặt câu hỏi và nghe Người yêu cầu, Người bị yêu cầu hoặc đại diện hợp pháp của họ trả lời. Thời gian hỏi và trả lời dành cho mỗi bên

không quá 60 phút. Toàn bộ nội dung này sẽ được ghi vào biên bản tham vấn;

e) Chủ tọa tóm tắt nội dung buổi tham vấn và tuyên bố kết thúc.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc tính từ ngày tổ chức tham vấn, các bên liên quan có quyền gửi văn bản trình bày thêm quan điểm của mình liên quan đến vụ việc chống bán phá giá cho Cơ quan điều tra.

5. Toàn bộ nội dung tham vấn, bao gồm văn bản trình bày của các bên và biên bản tham vấn được Cơ quan điều tra công bố công khai.

6. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có thể tổ chức phiên tham vấn kín khi có yêu cầu của Người yêu cầu hoặc Người bị yêu cầu. Thành phần tham gia phiên tham vấn kín sẽ được Cơ quan điều tra xem xét quyết định trên cơ sở yêu cầu của bên yêu cầu tham vấn kín.

Điều 30. Bảo mật thông tin

1. Cơ quan điều tra, Điều tra viên chỉ chịu trách nhiệm bảo mật đối với các thông tin do các bên liên quan cung cấp sau đây:

a) Bí mật quốc gia và bí mật khác theo quy định của pháp luật;

b) Thông tin mà bên cung cấp cho là mật và được Cơ quan điều tra chấp nhận đề nghị bảo mật thông tin.

2. Khi cung cấp những thông tin được

đề nghị bảo mật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, bên cung cấp thông tin phải gửi kèm theo thông tin đó bản giải trình chi tiết về lý do đề nghị bảo mật thông tin và bản tóm tắt những nội dung của thông tin mật có thể công bố công khai cho các bên liên quan khác.

3. Trường hợp không chấp nhận đề nghị bảo mật của bên cung cấp thông tin hoặc bên cung cấp thông tin không đồng ý công khai thông tin được đề nghị bảo mật, Cơ quan điều tra sẽ không sử dụng thông tin này và gửi trả lại cho bên cung cấp.

Điều 31. Kết luận sơ bộ

1. Trong thời hạn 90 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá, Cơ quan điều tra công bố kết luận sơ bộ về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Chống bán phá giá; trong trường hợp đặc biệt, thời hạn công bố kết luận sơ bộ có thể được gia hạn nhưng không quá 60 ngày.

2. Kết luận sơ bộ phải được thông báo công khai bằng phương thức thích hợp và phải bao gồm những nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập

khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người bị yêu cầu;

d) Mô tả khối lượng, số lượng và trị giá của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định tại điểm b Khoản này trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

đ) Biên độ bán phá giá;

e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu được mô tả tại điểm b Khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước; hoặc các thông tin, chứng cứ chứng minh việc chậm áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước và khó có thể khắc phục được;

g) Lịch trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá;

h) Các thông tin khác mà Cơ quan điều tra cho là cần thiết.

3. Sau 07 ngày làm việc, tính từ ngày có kết luận điều tra sơ bộ, Cơ quan điều tra phải gửi bản báo cáo điều tra và kết

luận điều tra sơ bộ lên Bộ trưởng Bộ Thương mại và trong trường hợp cần thiết, kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời.

Điều 32. Chấm dứt điều tra

1. Bộ trưởng Bộ Thương mại quyết định chấm dứt điều tra theo quy định tại Điều 19 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

2. Sau khi có quyết định chấm dứt điều tra, trong vòng 07 ngày làm việc Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo quyết định chấm dứt điều tra, trong đó nêu rõ lý do chấm dứt điều tra cho các bên liên quan bằng phương thức thích hợp.

Điều 33. Kết luận cuối cùng

1. Trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc quá trình điều tra, Cơ quan điều tra phải công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra theo quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

2. Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để đưa ra kết luận cuối cùng phải được thông báo công khai bằng phương thức thích hợp và phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, trong đó bao gồm tên

gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người bị yêu cầu;

d) Mô tả khối lượng, số lượng và trị giá của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định tại điểm b Khoản này trong thời hạn 12 tháng trước khi Người yêu cầu nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc trước khi Cơ quan điều tra lập hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại;

đ) Biên độ bán phá giá;

e) Các thông tin, chứng cứ chứng minh việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu được mô tả tại điểm b Khoản này gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

g) Lịch trình giải quyết vụ việc chống bán phá giá;

h) Các thông tin khác mà Cơ quan điều tra cho là cần thiết.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, tính từ ngày công bố kết luận cuối cùng, Cơ quan điều tra phải gửi Hội đồng xử lý bộ hồ sơ vụ việc chống bán phá giá bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá;

b) Báo cáo điều tra;

c) Kết luận sơ bộ;

d) Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để đưa ra kết luận cuối cùng;

đ) Kiến nghị của Cơ quan điều tra.

Chương IV

ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Mục 1. ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CAM KẾT

Điều 34. Gửi văn bản cam kết

Sau khi có kết luận sơ bộ và chậm nhất không quá 30 ngày trước khi kết thúc giai đoạn điều tra, đại diện hợp pháp của Người bị yêu cầu có thể gửi văn bản cam kết về một hoặc các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 21 Pháp lệnh Chống bán phá giá (sau đây gọi là Cam kết loại trừ bán phá giá) trực tiếp đến Cơ quan điều tra hoặc đến các nhà sản xuất trong nước để xem xét trước khi trình lên Cơ quan điều tra.

Điều 35. Xem xét Cam kết loại trừ bán phá giá

1. Trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày nhận được văn bản Cam kết loại trừ bán phá giá, Cơ quan điều tra có trách nhiệm xem xét và đề xuất ý kiến để Bộ trưởng Bộ Thương mại xem xét, quyết định.

2. Cam kết loại trừ bán phá giá phải được xem xét dựa trên các căn cứ sau đây:

a) Việc áp dụng Cam kết loại trừ bán phá giá có khả năng khắc phục được thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

b) Việc áp dụng Cam kết loại trừ bán phá giá không gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện chính sách kinh tế - xã hội trong nước.

Điều 36. Quyết định về Cam kết loại trừ bán phá giá

1. Căn cứ ý kiến đề xuất của Cơ quan điều tra về Cam kết loại trừ bán phá giá, Bộ trưởng Bộ Thương mại có thể ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định đình chỉ điều tra và chấp nhận cam kết của các bên đưa ra cam kết;

b) Đề nghị bên đưa ra cam kết điều chỉnh nội dung cam kết nhưng không được ép buộc các bên đưa ra cam kết;

c) Quyết định không chấp nhận cam kết và nêu rõ lý do.

2. Các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này phải được công bố công khai cho các bên liên quan bằng phương thức thích hợp.

3. Trường hợp bên đưa ra cam kết chấp nhận đề nghị điều chỉnh nội dung cam

kết quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, bên đưa ra cam kết phải gửi bản cam kết mới đến Cơ quan điều tra.

Điều 37. Giám sát việc thực hiện Cam kết loại trừ bán phá giá

1. Bên cam kết phải chịu sự giám sát của Cơ quan điều tra đối với việc thực hiện cam kết.

2. Bên cam kết phải định kỳ cung cấp cho Cơ quan điều tra thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện cam kết và chứng minh tính chính xác của các thông tin, tài liệu đó theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

3. Trường hợp bên cam kết không thực hiện đúng theo cam kết, gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra phải kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định tiếp tục điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá hoặc ra quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quy định tại khoản 6 Điều 21 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

Mục 2. ÁP DỤNG THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Điều 38. Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời

1. Sau 60 ngày, tính từ ngày có quyết định điều tra, căn cứ kết luận sơ bộ và kiến nghị của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng

Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời.

2. Quyết định về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời phải tuân thủ các quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 20 Pháp lệnh Chống bán phá giá.

3. Quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời được công bố công khai, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng, xuất xứ hàng hóa nhập khẩu;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời;

d) Thuế suất thuế chống bán phá giá tạm thời;

đ) Ngày có hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời.

Điều 39. Quyết định của Hội đồng xử lý

1. Trên cơ sở bộ hồ sơ vụ việc chống bán phá giá theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Nghị định này, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ,

Hội đồng xử lý chịu trách nhiệm thảo luận và quyết định theo đa số các vấn đề sau đây:

a) Có hay không có tình trạng bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

b) Có hay không có tình trạng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể;

c) Có hay không có mối quan hệ giữa việc bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam với thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước.

2. Trong trường hợp kết quả biểu quyết về các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều này là ngang nhau, Hội đồng xử lý quyết định theo phía có ý kiến của Chủ tọa phiên họp.

3. Trong trường hợp quyết định của Hội đồng xử lý theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này khẳng định có bán phá giá và việc bán phá giá là nguyên nhân gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, Hội đồng xử lý phải kiến nghị Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá.

Điều 40. Áp dụng thuế chống bán phá giá

1. Trường hợp không đạt được cam kết quy định tại Điều 21 Pháp lệnh Chống bán phá giá, căn cứ kết luận cuối cùng và kiến nghị của Hội đồng xử lý quy

định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá.

Trường hợp việc áp dụng thuế chống bán phá giá gây tổn hại đến lợi ích kinh tế - xã hội trong nước, Bộ trưởng Bộ Thương mại có thể ra quyết định không áp dụng thuế chống bán phá giá.

2. Quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá được công bố công khai, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của Người bị yêu cầu (nếu có);

b) Mô tả hàng hóa nhập khẩu là đối tượng bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá, trong đó bao gồm tên gọi, các đặc tính cơ bản và mục đích sử dụng chính, mã số theo biểu thuế nhập khẩu hiện hành và mức thuế nhập khẩu đang áp dụng;

c) Tên, địa chỉ và các thông tin cần thiết khác của các nhà sản xuất, xuất khẩu hàng hóa là đối tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá;

d) Tên nước, vùng lãnh thổ sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng thuế chống bán phá giá;

đ) Tóm tắt kết quả điều tra cho thấy sự cần thiết phải áp dụng thuế chống bán phá giá;

e) Thuế suất thuế chống bán phá giá;

g) Ngày có hiệu lực và thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá;

h) Mức chênh lệch về thuế phải hoàn trả (nếu có) theo quy định tại Điều 41 Nghị định này.

Điều 41. Hoàn trả khoản chênh lệch về thuế chống bán phá giá tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống bán phá giá tạm thời

Việc hoàn trả cho người nộp khoản chênh lệch về thuế chống bán phá giá tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống bán phá giá tạm thời theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Pháp lệnh Chống bán phá giá được thực hiện tại cơ quan và địa điểm nộp thuế nhập khẩu theo các quy định sau đây:

1. Hoàn trả toàn bộ khoản chênh lệch về thuế trong trường hợp mức thuế chống bán phá giá trong Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại thấp hơn mức thuế chống bán phá giá tạm thời đã nộp.

2. Hoàn trả toàn bộ khoản thuế chống bán phá giá tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán đã nộp trong trường hợp Bộ trưởng Bộ Thương mại ra quyết định không áp dụng thuế chống bán phá giá.

3. Các khoản chênh lệch về thuế được hoàn trả theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này không được tính lãi suất.

Điều 42. Xác định biên độ bán phá giá riêng đối với những nhà sản xuất, xuất khẩu không xuất khẩu hàng hóa là đối tượng đang bị áp dụng thuế chống bán phá giá trong giai đoạn điều tra

1. Trường hợp hàng hóa đang là đối

tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá, khi có yêu cầu bằng văn bản, Cơ quan điều tra phải nhanh chóng tiến hành xác định biên độ bán phá giá riêng cho các nhà sản xuất, xuất khẩu không xuất khẩu hàng hóa là đối tượng đang bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá vào Việt Nam trong giai đoạn điều tra với điều kiện các nhà sản xuất, xuất khẩu này phải chứng minh được họ không có mối liên hệ nào với các nhà sản xuất, xuất khẩu đang phải chịu thuế chống bán phá giá hoặc các nhà sản xuất, xuất khẩu đang thực hiện Cam kết loại trừ bán phá giá theo quy định tại Mục 1 Chương này.

2. Thuế chống bán phá giá riêng quy định tại khoản 1 Điều này có hiệu lực hồi tố, tính từ thời điểm Cơ quan điều tra nhận được yêu cầu xác định biên độ bán phá giá riêng.

3. Trường hợp mức thuế chống bán phá giá riêng thấp hơn mức thuế chống bán phá giá đã thu, toàn bộ chênh lệch sẽ được hoàn trả tại cơ quan và địa điểm nộp thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật. Khoản chênh lệch được hoàn này sẽ không được tính lãi suất.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 44. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thương mại chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu, nộp ngân sách nhà nước các khoản thuế chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam; thủ tục hoàn trả khoản chênh lệch về thuế chống bán phá giá tạm thời hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống bán phá giá tạm thời.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải